

1. MÔN TOÁN 9:

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Tính a. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn b. Biến đổi biểu thức dạng $\sqrt{A^2}$ c. Biểu thức trục căn thức không quá phức tạp	30%
NỘI DUNG 2: Giải phương trình a. Giải phương trình đưa về dạng $ A = B$ (B có thể chứa x). b. Giải phương trình đưa về dạng $\sqrt{A} = B$ hay $\sqrt{A} = \sqrt{B}$.	20%
NỘI DUNG 3: Toán thực tế đại về tỉ số phần trăm	10%
NỘI DUNG 4: Toán thực tế hình về tỉ số lượng giác trong tam giác vuông	10%
NỘI DUNG 5: Hình học: a. Hệ thức lượng, tính độ dài cạnh trong tam giác vuông. b. Chứng minh đẳng thức c. Chứng minh đẳng thức	30%

2. MÔN ANH 9:

UNIT 1,2,3

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
- Pronounced	5%
- Stress	5%
- Multiple Choice: 1. Vocabulary 2. Prepositions 3. Conjunctions / connectors 4. Speaking – conversation 5. Signs - warnings	20%
- Word form	15%
- Rearrange the word or phrase	5%
- Multiple Choice in the passage	15%
- Read the passage	15%
- Rewrite the sentences + Used to + The present perfect <=> The past tense + Because, so + Wish	20%

3. MÔN LÝ 9:

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Điện trở của dây dẫn. Định luật Ôm a. Định luật Ohm b. Biến trở c. Các yếu tố ảnh hưởng đến điện trở của một dây dẫn d. Bài tập vận dụng định luật Ohm	10% 20% 10% 20%
NỘI DUNG 2: Công suất điện, điện năng. a. Công suất điện b. Điện năng. Công của dòng điện.	10% 30%

4. MÔN HÓA 9:

NỘI DUNG	PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA CHẤT (OXIT – AXIT – BAZƠ) - Tính chất hóa học của Oxit – axit – bazơ. - Hoàn thành phương trình hóa học.	35%
NỘI DUNG 2: PHÂN BIỆT DUNG DỊCH - Bằng phương pháp hóa học phân biệt một số dung dịch axit – bazơ – muối (liên quan đến phân biệt axit sunfuric và muối sunfat).	25%
NỘI DUNG 3: HIỆN TƯỢNG PHẢN ỨNG HÓA HỌC - Nêu được hiện tượng của một số thí nghiệm cụ thể liên quan đến tính chất hóa học của Oxit – axit – bazơ.	20%
NỘI DUNG 4: TÍNH THEO PHƯƠNG TRÌNH HÓA HỌC - Tính khối lượng chất tham gia hoặc sản phẩm. - Tính thể tích chất tham gia hoặc sản phẩm (điều kiện 1 bar, 25⁰C) - Tính nồng độ mol của chất tham gia hoặc sản phẩm - Tính nồng độ phần trăm chất tham gia hoặc sản phẩm.	20%

5. MÔN SỬ 9:

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I - LỊCH SỬ 9

BÀI 3: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

I. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của TK XX:

1. Mục tiêu: lật đổ ách thống trị của CNPX giành chính quyền

2. Quá trình

- Đông Nam Á: In đô nê xia (8/45), VN (9/1945), Lào (10/1945)
- Nam Á và Bắc Phi: Ấn Độ, Ai Cập, An giê ri .
- Năm 1960, 17 quốc gia châu Phi tuyên bố độc lập → “ Năm châu Phi”
- Ngày 1/1/1959 CM Cuba thắng lợi

* Kết quả: Hệ thống thuộc địa của CNDQ về cơ bản đã bị sụp đổ (chỉ còn 5,2 triệu km² với 35 triệu dân, chủ yếu là ở Nam châu Phi).

II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của TK XX:

* Mục tiêu: lật đổ ách thống trị của BDN, giành độc lập

* Tiêu biểu: Ang gola, Mô dăm bích, Ghi ne Bít xao vào những năm 1974-1975

* Kết quả: Hệ thống thuộc địa của Bồ Đào Nha tan rã → là thắng lợi quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi

Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của TK XX:

* Mục tiêu: Đấu tranh xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (Apac thai)

* Tiêu biểu: Chính quyền của người da đen được thành lập ở

- Rô-đê-đi-a 1980 (CH Zim- ba- buê)
- Tây Nam Phi 1990(CH Na-mi-bi-a)
- CH Nam Phi 1993

* Kết quả: Chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xóa bỏ sau hơn 3 TK tồn tại → Hệ thống thuộc địa của CNDQ sụp đổ hoàn toàn.

BÀI 4: CÁC NƯỚC CHÂU Á

+ Chấm dứt ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc và ách thống trị hàng ngàn năm của chế độ phong kiến, đưa đất nước vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

+ Nối liền hệ thống XHCN từ châu Âu sang châu Á, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

4)Tiến hành cải cách- mở cửa (Từ 1978 đến nay):

* Đối nội:

- Tháng 12/1978, đề ra đường lối mới với chủ trương lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách và mở cửa, xây dựng Trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh.

- Thành tựu: Nền kinh tế phát triển nhanh, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trung bình hàng năm 9,6%, tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng gấp 15 lần. Đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt.

* Đối ngoại:

- Cải thiện quan hệ với nhiều nước, thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (1997) và Ma- Cao (1999).

- Địa vị của Trung Quốc được đề cao trên quốc tế.

BÀI 5: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945:

- Trước 1945, đều là thuộc địa của thực dân phương Tây (trừ Thái Lan)

- Sau 1945, tình hình Đông Nam Á diễn ra phức tạp và căng thẳng → nhiều nước đã nổi dậy giành chính quyền như VN – Lào – Indônêxia.

- Từ năm 1950, trong bối cảnh “ Chiến tranh lạnh”, tình hình Đông Nam Á lại trở nên căng thẳng do sự can thiệp của ĐQ Mỹ . Mỹ thành lập khối quân sự SEATO (1954) nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của CNXH và phong trào giải phóng dân tộc đối với Đông Nam Á

II. Sự ra đời của tổ chức ASEAN:

1. Hoàn cảnh ra đời :

- Sau khi giành được độc lập thấy,

- Cần thiết phải cùng nhau hợp tác để phát triển đất nước

- Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

2. Thành lập:

→ ASEAN trở thành một tổ chức khu vực ngày càng có uy tín về hợp tác kinh tế (AFTA- 1992) và hợp tác an ninh (Diễn đàn khu vực- ARF, năm 1994), nhiều nước ngoài khu vực đã tham gia hai tổ chức trên như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

BÀI 6: CÁC NƯỚC CHÂU PHI

I. Tình hình chung:

- Từ sau CTTG II, PTGPDT diễn ra sôi nổi nhiều nước . Nổi ra sớm ở Bắc Phi

- Sự kiện tiêu biểu :

+ Ở Ai Cập : lật đổ chế độ quân chủ (1952)

+ Ở Algieri : nhân dân KN vũ trang lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp (1954 - 1962)

+ Năm 1960 : 17 nước tuyên bố độc lập → “Năm châu Phi”.

- Sau khi giành độc lập, các nước châu Phi xây dựng đất nước và đạt được nhiều thành tích nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn : nội chiến – xung đột, đói nghèo, dịch bệnh và nợ nần...

→ Để khắc phục :Tổ chức thống nhất châu Phi được thành lập- nay là Liên minh châu Phi (AU)

II. Cộng hoà Nam Phi:

- Là nước nằm ở cực Nam châu Phi, có dân số là 43,2 triệu người (2002), trong đó 75,2% là người da đen, 13,6% là người da trắng, 11,2% là người da màu.

- Kéo dài hơn ba thế kỷ, chế độ phân biệt chủng tộc (A- pác- thai) đã thống trị cực kỳ tàn bạo đối với người da đen và da màu ở Nam Phi.

- Năm 1993, Dưới sự lãnh đạo của tổ chức “Đại hội dân tộc Phi” (ANC), chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xoá bỏ.

- Năm 1994, Nen- xon Man- đê- la, được bầu và trở thành vị Tổng Thống người da đen đầu tiên của Cộng hoà Nam Phi.

- Nam Phi đang tập trung sức phát triển kinh tế và xã hội nhằm xoá bỏ “chế độ A- pác- thai” về kinh tế.

BÀI 7: CÁC NƯỚC MỸ LA TINH

I. Những nét chung:

- Từ những thập kỷ đầu thế kỷ XIX, giành được độc lập, nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc và trở thành “sân sau” của Mỹ.

- Vượt qua những khó khăn to lớn do chính sách phá hoại, bao vây, cấm vận về kinh tế của Mỹ, sự tan rã của Liên Xô và hệ thống XHCN.
- Xây dựng nền nông nghiệp đa dạng, nền công nghiệp với cơ cấu ngành hợp lý...

6. MÔN ĐỊA 9:

Bài 8

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

Đặc điểm chung: Phát triển vững chắc, sản phẩm đa dạng. Trồng trọt vẫn là ngành chính.

I. Ngành trồng trọt

- Tình hình phát triển: Cơ cấu đa dạng. Lúa là cây trồng chính, diện tích, năng suất, sản lượng lúa bình quân đầu người không ngừng tăng. Cây công nghiệp và cây ăn quả phát triển khá mạnh. Có nhiều sản phẩm để xuất khẩu như gạo, cà phê, cao su, trái cây,...

- Phân bố

+ Các vùng trọng điểm lúa: Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Các vùng phân bố cây công nghiệp chủ yếu: Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ,...

II. Ngành chăn nuôi

- Tình hình phát triển: Chiếm tỉ trọng còn nhỏ trong nông nghiệp. Đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh.

- Đang phát triển theo hướng công nghiệp

- Một số sản phẩm chăn nuôi chính:

1. Trâu bò

- Mục đích: cung cấp sức kéo, thịt, sữa, phân bón.

- Phân bố: Trâu: Trung du và Miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ; Bò: Duyên Hải Nam Trung Bộ.

2. Lợn

- Mục đích: cung cấp thịt, phân bón.

- Phân bố: Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Gia cầm

- Mục đích: cung cấp thịt, trứng, phân bón.

- Phân bố: các đồng bằng.

BÀI 12

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I. Cơ cấu ngành công nghiệp

- Cơ cấu ngành đa dạng: có đầy đủ các ngành CN thuộc các lĩnh vực như chế biến lương thực thực phẩm, khai thác nhiên liệu....

- Ngành CN nước ta phát triển nhanh.
- Phân bố: tập trung ở một số vùng như Đông nam bộ, Đồng bằng sông Hồng.

II. Các ngành công nghiệp trọng điểm

1. Công nghiệp khai thác nhiên liệu: phân bố ở Quảng Ninh (than), thềm lục địa phía Nam (dầu khí)

2. Công nghiệp điện:

- Thủy điện: Hòa Bình, Sơn La,....
- Nhiệt điện: Phả Lại, Phú Mỹ,.....

3. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm: phân bố ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Biên Hòa, Đà Nẵng

4. Công nghiệp dệt may: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định .

III. Các trung tâm công nghiệp lớn

- Trung tâm công nghiệp lớn: Thành Phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- Khu vực tập trung công nghiệp: Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ.

BÀI 13

VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ

I. Cơ cấu và vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế.

1. Cơ cấu ngành dịch vụ

- Dịch vụ là các hoạt động, đáp ứng nhu cầu, sản xuất và sinh hoạt của con người.
- Cơ cấu ngành gồm : Dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất và dịch vụ công cộng.
- Kinh tế càng phát triển, thì dịch vụ càng đa dạng.

2. Vai trò của dịch vụ trong sản xuất và đời sống

- Cung cấp nguyên liệu, vật tư cho sản xuất và các ngành kinh tế.
- Tiêu thụ sản phẩm, tạo ra mối liên hệ giữa các ngành sản xuất trong nước và ngoài nước.
- Tạo ra nhiều việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, tạo nguồn thu nhập lớn.

II. Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta

1. Đặc điểm phát triển

- Chỉ thu hút khoảng 25% lao động nhưng chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP (38,5% năm 2002).
- Phát triển khá nhanh và ngày càng có nhiều cơ hội để vươn lên ngang tầm khu vực và quốc tế.

2. Đặc điểm phân bố.

- Các hoạt động dịch vụ phân bố không đều.
- Hoạt động dịch vụ tập trung ở những nơi đông dân cư và kinh tế phát triển.
- Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn và đa dạng nhất cả nước.

7. MÔN SINH 9:

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Lai một cặp tính trạng	20%
NỘI DUNG 2: Nguyên phân, giảm phân, thụ tinh	20%
NỘI DUNG 3: ADN	20%
NỘI DUNG 4: Mối quan hệ giữa gene và ARN	20%
NỘI DUNG 5: Protein	20%